

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ

ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

PGS. TS VŨ QUANG HIỀN*

ĐỖ HOÀNG ÁNH**

Lãnh đạo ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (CNTT) nói riêng và khoa học - công nghệ nói chung là một nội dung quan trọng trong đường lối đổi mới toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua hơn 20 năm đổi mới, CNTT đã góp phần làm cho đất nước phát huy sức mạnh nội sinh, phát triển kinh tế - xã hội và tích cực hội nhập quốc tế; chúng tôi là một trong những động lực quan trọng của sự phát triển. Máy vi tính đã trở thành một thiết bị quen thuộc và thông dụng với toàn xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH gắn liền với phát triển kinh tế tri thức.

1. Quan điểm của Đảng về công nghệ thông tin trước thời kỳ đổi mới

Ngay từ thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, Đảng đã hết sức coi trọng công tác khoa học và kỹ thuật. Đại hội lần thứ III của Đảng (1960) và một số nghị quyết của BCH TƯ đã nhấn mạnh vai trò của khoa học và kỹ thuật trong sự nghiệp xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng và Nhà nước Việt Nam có sự chỉ đạo sử dụng máy tính điện tử trong một số lĩnh vực then chốt như an ninh, quốc phòng. Năm 1962, Ủy ban Khoa học Nhà nước đã tổ chức việc lựa chọn và cử một số cán bộ đầu tiên đi học về máy tính tại Liên Xô, đồng thời trình Trung ương và Chính phủ cho nhập một số máy tính điện tử.

Sau khi thống nhất đất nước, một số máy tính của Công ty IBM ở miền Nam được tiếp quản. Chính phủ ra Nghị quyết số 173-CP về tăng cường ứng dụng toán học và máy tính điện tử trong quản lý nhà nước (1975) và Nghị quyết số 245-CP về tăng cường quản lý sử dụng máy tính điện tử trong cả nước (1976). Tháng 9-1976, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước thành lập *Cục Máy tính điện tử* để chỉ đạo duy trì hoạt động của các máy tính hiện có. Hàng chục năm sau, một số máy vẫn được sử dụng như IBM-360/50, IBM-360/40.

Đại hội lần thứ IV của Đảng (12-1976) nhấn mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật là một trong

* Đại học Quốc gia Hà Nội

** Đại học Thái Nguyên

ba cuộc cách mạng và giữ vị trí “then chốt”, chủ trương phát triển khoa học - kỹ thuật phục vụ sản xuất, đời sống và quốc phòng.

Trong hoàn cảnh hết sức khó khăn sau 30 năm chiến tranh (1945-1975), nhưng Việt Nam vẫn là nước đầu tiên ở Đông Nam Á có kế hoạch lắp ráp và sản xuất máy vi tính ở trong nước. Năm 1976, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước đã mời ông Trương Trọng Thi, một kỹ sư máy tính người Việt định cư ở Pháp về nước, trao đổi việc hợp tác sản xuất tại Việt Nam loại máy vi tính 8 bit do ông thiết kế. Hai bên đã thỏa thuận một kế hoạch lắp ráp máy vi tính Micral, thực hiện bằng vốn vay của Chính phủ Pháp. Tuy nhiên, do nhiều khó khăn khách quan, chủ yếu là bị cấm vận, nên kế hoạch này không thực hiện được.

Năm 1981, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 37-NQ/TW *Về chính sách khoa học và kỹ thuật*, xác định chính sách khoa học và kỹ thuật “là một bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội”, nhấn mạnh khoa học có “vai trò động lực” trong mọi lĩnh vực hoạt động. Đó là sự đổi mới trong nhận thức của Đảng về khoa học và công nghệ. Để tăng cường phục vụ thông tin cho lãnh đạo và quản lý, góp phần nâng cao chất lượng ra quyết định của các cấp, trong năm 1981, Việt Nam đã nhập loạt máy tính đầu tiên gồm 20 máy PC- IBM 16 bit ngay khi chúng ra đời.

Đại hội lần thứ V của Đảng (3-1982) nhấn mạnh phải làm tốt việc ứng dụng nhanh chóng và rộng rãi thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động khoa học - kỹ thuật trong khoảng 10 năm (1976-1985) có bước tiến bộ, hướng vào phục vụ sản xuất và đời sống. Tuy nhiên, do cơ chế quản lý tập trung

quan liêu, bao cấp, do nhận thức chưa đầy đủ của các ngành, các cấp, cùng với những khó khăn về đối ngoại, nên khoa học - kỹ thuật nói chung, tin học nói riêng chưa có điều kiện phát triển mạnh.

Các khái niệm “tin học”, “công nghệ thông tin” chưa hình thành trong tư duy, chưa được sử dụng trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước. Nó chưa trở thành một lĩnh vực được quan tâm đầy đủ. Việc sử dụng máy tính điện tử nằm chung trong khái niệm “khoa học và kỹ thuật” với quy mô nhỏ, lĩnh vực ứng dụng hẹp. Việc nghiên cứu và sử dụng CNTT chưa trở thành một ngành khoa học. Ảnh hưởng của CNTT với sự phát triển của đất nước nói chung và đời sống của nhân dân nói riêng còn rất hạn chế, chưa bắt kịp nhịp độ phát triển CNTT thế giới.

2. Đổi mới nhận thức về tin học và công nghệ thông tin

Bước vào thời kỳ đổi mới (1986), nhận thức rõ vai trò động lực to lớn của khoa học và kỹ thuật trong việc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Đại hội VI của Đảng (1986) chủ trương: “Triển khai một số đề tài được chọn lọc thuộc các hướng *khoa học, kỹ thuật hiện đại*, như công nghệ sinh học, vật liệu và công nghệ mới, điện tử và tin học...”: “Đẩy mạnh kết hợp một cách hữu cơ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật. Mỗi phương án phát triển kinh tế xã hội đều phải xét đến tất cả các mặt kinh tế, kỹ thuật, xã hội và môi trường”¹.

Ngày 30-3-1991, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 26-NQ/TW *Về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới*. Nghị quyết lần đầu tiên đưa ra, thuật ngữ “khoa học và công nghệ” thay cho thuật ngữ “khoa học và kỹ thuật” được dùng trước đó, phù hợp với giai đoạn phát triển mới

của khoa học và công nghệ, nhất là CNTT và công nghệ sinh học trên thế giới. Nghị quyết thể hiện rõ nét tinh thần đổi mới của Đảng trong hoạt động khoa học và công nghệ, xem khoa học và công nghệ không chỉ là động lực phát triển kinh tế - xã hội, mà còn là động lực quan trọng của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đồng thời là cơ sở để củng cố và nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo, vị trí tiên phong của Đảng. Đảng lãnh đạo hoạt động khoa học và công nghệ, xây dựng các định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, phát triển đội ngũ cán bộ, chỉ đạo xây dựng các chính sách lớn đối với khoa học, đồng thời kiểm tra việc thực hiện các đường lối, chủ trương, kịp thời bổ sung, tạo điều kiện cho khoa học phát triển. Đảng tôn trọng quyền dân chủ, tự do sáng tạo của các nhà khoa học, khuyến khích sự tìm tòi, tranh luận, nghiên cứu để khám phá chân lý. Nghị quyết xác định những nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa cơ bản của khoa học và công nghệ, nhấn mạnh phải tập trung sức phát triển một số ngành khoa học - công nghệ mũi nhọn như điện tử, tin học...

Đại hội VII của Đảng (6-1991) tiếp tục nhấn mạnh hơn khoa học - công nghệ cùng với giáo dục - đào tạo đóng vai trò then chốt trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc, là một động lực đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Lần đầu tiên Đảng nêu khái niệm "nguồn lực phát triển", trong đó "con người là nguồn lực quan trọng nhất" mà một trong các đặc trưng là "có khả năng nắm bắt nhanh khoa học và công nghệ". Trong phương hướng nhiệm vụ chủ yếu trong năm 1991-1995, Đại hội xác định: "Tập trung phát triển có trọng điểm một số hướng công nghệ

hiện đại như điện tử, tin học, công nghệ sinh học, vật liệu mới"². Để phát triển khoa học và công nghệ, phải "tranh thủ sự hợp tác và tài trợ của các nước, các tổ chức và cá nhân, các nhà khoa học người Việt sống ở nước ngoài. Khuyến khích quan hệ trực tiếp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của các tổ chức và cá nhân với bên ngoài theo luật pháp"³.

Thực hiện chủ trương của Đảng, ngày 4-8-1993, Chính phủ ra Nghị quyết số 49/CP về *Phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam trong những năm 90*. Nghị quyết đã nêu khái quát tình hình sử dụng CNTT của Việt Nam, khẳng định các quan điểm, mục tiêu và nội dung phát triển CNTT đến năm 2000 và đề ra các biện pháp lớn để thực hiện chủ trương quan trọng đó.

Nghị quyết HNTƯ 7 (Khóa VII) tháng 7-1994, khẳng định khoa học và công nghệ là nền tảng của CNH, HĐH và "bảo đảm sự phát triển bền vững", nhấn mạnh việc *ưu tiên ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến, như công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu điện tử hóa và tin học hóa nền kinh tế quốc dân*. Tiếp đó, Quyết định số 211/TTg ngày 7-4-1995 của Thủ tướng Chính phủ *Về việc phê duyệt Chương trình Quốc gia về công nghệ thông tin* được ban hành.

Cùng với chủ trương chuyển đất nước sang thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, Đại hội lần thứ VIII của Đảng (6-1996) chỉ rõ "nắm bắt các công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, những công nghệ mới trong chế tạo máy... để có thể đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định. Xây dựng tiềm lực nhằm phát triển một nền khoa học và công nghệ tiên tiến". Đặc biệt, Đại hội chủ trương "ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả lĩnh

vực kinh tế quốc dân, tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả; hình thành mạng thông tin quốc gia liên kết với một số mạng thông tin quốc tế". CNTT được xác định là một trong những *lĩnh vực công nghệ ưu tiên*⁴. HNTU 2 (1997) (Khoá VIII), ra Nghị quyết chuyên đề về chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, tiếp tục khẳng định vai trò động lực của khoa học - công nghệ đối với CNH, HĐH; nêu quan điểm đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong tất cả các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng - an ninh, nhanh chóng nâng cao trình độ khoa học và công nghệ của đất nước: coi trọng nghiên cứu cơ bản, làm chủ và cải tiến công nghệ nhập từ bên ngoài, tiến tới sáng tạo ngày càng nhiều công nghệ mới ở những khâu quyết định đối với sự phát triển của đất nước trong thế kỷ XXI... Tiếp đó, Đảng và Chính phủ có nhiều chỉ thị, chính sách cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết. Luật Khoa học và công nghệ (2000) được ban hành.

Từ Đại hội VI đến trước Đại hội IX, chủ trương của Đảng về ứng dụng và phát triển CNTT ngày càng được cụ thể hóa, tạo môi trường pháp lý, xã hội, kinh tế cần thiết, kết nối Việt Nam với mạng thông tin toàn cầu (Internet). Tuy nhiên tốc độ phát triển còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng hiện có, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH.

Việc ứng dụng và phát triển CNTT trong những năm 1986-2000 có bước phát triển mới so với những năm 70 và đầu những năm 80 của thế kỷ XX, nhưng vẫn còn ở tình trạng lạc hậu, thậm chí còn có nguy cơ tụt hậu xa hơn so với nhiều nước trên thế giới và khu vực. Việc ứng dụng CNTT chưa đáp ứng được nhu cầu CNH, HĐH

và hội nhập quốc tế. Lĩnh vực viễn thông và Internet chưa thực sự tạo đà cho sự phát triển của đất nước. Quản lý nhà nước về lĩnh vực này vẫn còn phân tán và hiệu quả không cao; việc thực hiện ở nhiều nơi mang nặng tính hình thức, gây lãng phí không nhỏ. Nguồn nhân lực CNTT chưa sẵn sàng cả về số lượng và chất lượng cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế đó là do nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội chưa đầy đủ; thực hiện chưa triệt để các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước: chưa kết hợp chặt chẽ ứng dụng CNTT với quá trình cơ cấu lại sản xuất, kinh doanh và cải cách hành chính, đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước; chậm ban hành các chính sách đáp ứng nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT; quản lý nhà nước trong lĩnh vực máy tính, viễn thông và thông tin điện tử chưa thống nhất, thiếu đồng bộ, chưa tạo được môi trường cạnh tranh lành mạnh cho việc cung ứng dịch vụ viễn thông và Internet, chưa coi đầu tư xây dựng hạ tầng thông tin là loại đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội; và đặc biệt là chưa khai thác tốt các kinh nghiệm quốc tế để có thể rút ngắn thời gian, tiết kiệm công sức, chi phí và tránh các thiếu sót mà các nước đi trước đã gặp phải.

3. Tăng cường chỉ đạo xây dựng và tổ chức triển khai mạnh mẽ chiến lược phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển kinh tế tri thức, nhận thức sâu sắc vai trò của CNTT với sự phát triển của đất nước nói chung và sự nghiệp CNH, HĐH nói riêng, ngày 17-10-2000, Bộ Chính trị ra Chỉ thị 58-CT/TW *Về đẩy*

mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bộ Chính trị chỉ rõ CNTT trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ phát triển hàng năm cao nhất so với các khu vực khác: có tỷ lệ đóng góp cho tăng trưởng GDP của cả nước ngày càng cao. Chi thị khẳng định *ứng dụng và phát triển CNTT là một nhiệm vụ ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là phương tiện chủ lực để đi tắt, đón đầu, rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước đi trước.* Do vậy mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng đều phải ứng dụng CNTT để phát triển. Thay vì "quản lý đến đâu, phát triển đến đó" theo tư duy cũ, Bộ Chính trị chủ trương nâng cao kỹ năng quản lý theo kịp yêu cầu phát triển của CNTT.

Chi thị số 58 của Bộ Chính trị là một quyết sách chiến lược, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, nhất là khi toàn cầu hóa và thay đổi công nghệ đang phát triển không ngừng, tạo ra một nền kinh tế "lấy sức mạnh từ công nghệ, năng lượng từ thông tin và chèo lái bằng kiến thức"⁵; đánh dấu bước tiến mới có tính bước ngoặt trong nhận thức của Đảng về phát triển CNTT, mở ra một thời kỳ mới cho sự phát triển của tin học và CNTT ở Việt Nam.

Bước sang thế kỷ XXI, trước sự phát triển mạnh mẽ của nhiều nước ở khu vực và thế giới, Đại hội IX của Đảng (4-2001) nhận định: "*Khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tiếp tục có những bước nhảy vọt, ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức, làm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội... Trình độ làm chủ thông tin, tri thức có ý nghĩa quyết*

định sự phát triển"⁶. Đại hội đánh giá: "Năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ đủ khả năng ứng dụng các công nghệ hiện đại, tiếp cận trình độ thế giới và tự phát triển trên một số lĩnh vực, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và công nghệ tự động hóa"⁷. Riêng về ứng dụng và phát triển CNTT, Đại hội tiếp tục xác định đó là một trong những hướng chiến lược quan trọng, gắn liền với xã hội thông tin và kinh tế tri thức. Đại hội chủ trương: "Phát triển mạng lưới thông tin hiện đại và đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là trong hệ thống lãnh đạo, quản lý và dịch vụ tài chính, thương mại, giáo dục, y tế, tư vấn... Mở rộng khả năng hòa mạng viễn thông với chi phí có khả năng cạnh tranh quốc tế; phủ sóng phát thanh, truyền hình đến các xã, thôn trong cả nước và mở rộng đến nhiều nơi trên thế giới với chất lượng ngày càng cao"⁸. Để phát triển CNTT, phải quan tâm đầu tư cho lĩnh vực này nhiều hơn. Bộ Chính trị nhấn mạnh: "*Ngành công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, viễn thông, thực hiện đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, hiện đại hóa những cơ sở sản xuất điện tử đã có, xây dựng một số cơ sở mới để đáp ứng nhu cầu trong nước, giảm dần nhập khẩu và tăng dần xuất khẩu; tăng nhanh tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao*"⁹.

Ngày 3-12-2002, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 176/2002/QĐ-TTg thành lập Ban Chi đạo chương trình hành động triển khai Chi thị số 58-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT trong sự nghiệp CNH. HĐH giai đoạn 2001-2005.

Chính sách mở cửa CNTT được ban hành tạo điều kiện thuận lợi phát triển CNTT, bao gồm cả

giáo dục - đào tạo, sản xuất và ứng dụng. Lãnh đạo các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Huế... chủ động đào tạo nguồn nhân lực CNTT và công nghiệp phần mềm.

Tháng 7-2002, Bộ Bưu chính Viễn thông được thành lập, hoạt động theo Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11-11-2002 của Chính phủ. Tiếp đó, ngày 20-2-2003, Ban Chỉ đạo chương trình hành động triển khai Chi thị số 58-CT/TW của Bộ Chính trị được đổi tên thành *Ban Chỉ đạo quốc gia về công nghệ thông tin*, nhằm tăng cường thống nhất sự chỉ đạo ứng dụng và phát triển CNTT trong cả nước.

Cùng với việc từng bước hoàn thiện bộ máy quản lý, thành lập và kiện toàn Bộ Thông tin - Truyền thông, Bộ Văn hóa - Thông tin..., các chính sách nhằm đẩy mạnh hơn nữa ứng dụng và phát triển CNTT được ban hành; thực hiện giảm giá và phá bỏ dần độc quyền trong lĩnh vực bưu chính viễn thông. Việc xây dựng các chương trình phát triển cho 5 năm 2006-2010 được đẩy mạnh.

Đại hội X của Đảng (4-2006) nhận định quá trình toàn cầu hóa kinh tế đang được đẩy nhanh hơn; khoa học, công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt và những đột phá lớn: CNTT, công nghệ sinh học tiếp tục phát triển mạnh mẽ, đi vào chiều sâu, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế, tác động rộng lớn đến cơ cấu và sự phát triển của kinh tế thế giới, mở ra triển vọng mới cho mỗi nền kinh tế tham gia phân công lao động toàn cầu. Trong điều kiện khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, Đại hội chủ trương phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo hướng đổi mới cơ chế, chính sách để phần lớn sản phẩm khoa học và công nghệ (trừ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ xây dựng

đường lối, chiến lược, chính sách phát triển) trở thành hàng hóa; thông tin rộng rãi và tạo môi trường cạnh tranh để các sản phẩm khoa học và công nghệ được mua bán thuận lợi trên thị trường; chuyển các tổ chức nghiên cứu và phát triển thuộc nhiều loại hình sở hữu sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp.

Đại hội xác định "rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa"¹⁰; phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng khoa học và công nghệ; lựa chọn và đi ngay vào công nghệ hiện đại ở một số lĩnh vực then chốt; chú trọng phát triển công nghệ cao, nhất là CNTT, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới.

Những chủ trương của Đảng có liên quan đến CNTT từ Chi thị 58 của Bộ Chính trị (10-2000) đến Đại hội X đã được thể chế hóa thông qua các văn bản luật và dưới luật, trong đó có *Luật sơ hữu trí tuệ* (12-12-2005), *Luật Công nghệ thông tin* (22-6-2006), Nghị định số 57/2006/NĐ-CP *Về thương mại điện tử* (9-6-2006), Nghị định số 26/2007/NĐ-CP (15-2-2007) *Quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số*, Nghị định số 71/2007/NĐ-CP (3-5-2007) *Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về Công nghiệp Công nghệ thông tin*, Quyết định số 51/2007/QĐ-TTg (12-4-2007) phê duyệt *Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm Việt Nam đến năm 2010*, Quyết định số 56/2007/QĐ-TTg (3-5-2007) phê duyệt *Chương trình phát triển Công nghiệp nội dung số Việt*

Nam đến năm 2010... Lần đầu tiên, các vùng kinh tế trọng điểm ở miền Bắc, miền Trung, miền Nam, đều có quy hoạch về phát triển CNTT-TT đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

Việt Nam gia nhập WTO (2006) và chuẩn bị thực hiện các điều khoản trong ITA (miễn thuế nhập khẩu các sản phẩm CNTT) cũng được tiến hành khẩn trương để tham gia toàn diện vào sân chơi CNTT toàn cầu - một sân chơi tất yếu của các quốc gia, hứa hẹn mang lại nhiều lợi ích, nhưng cũng không ít thách thức. Không phải khi nào cũng có thể thu lợi được từ việc tập trung vào phát triển CNTT như một ngành kinh tế, nhưng lại có thể có lợi từ việc sử dụng CNTT như một động lực phát triển.

Từ khi có Chỉ thị 58 của Bộ Chính trị (Khóa VIII), môi trường pháp lý được cải thiện, hệ thống tổ chức chỉ đạo và quản lý nhà nước đối với lĩnh vực CNTT từng bước được tăng cường, sự ứng dụng CNTT trong các cơ quan Đảng và Nhà nước có bước phát triển mới, góp phần thay đổi lề lối làm việc, hiện đại hoá nền hành chính, tạo tiền đề cho việc phát triển Chính phủ điện tử. Hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ công tác nghiệp vụ, quản lý và điều hành ngày càng phổ biến và trở thành yếu tố quan trọng. Sự cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông, CNTT gia tăng, giá cả dịch vụ giảm có lợi cho người sử dụng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế. Với số lượng trên 16 triệu người dùng Internet (2007), Việt Nam xếp thứ 17 thế giới và thứ 6 trong khu vực châu Á (sau Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Indônêxia), tỷ lệ người dân truy cập Internet xếp thứ 9 trong khu vực châu Á và thứ 93 trên thế giới, băng thông Internet kết

nối quốc tế tăng từ 24Mbps (2000) lên 8703 Mbps (2007). Vị thế CNTT Việt Nam năm 2008 qua đánh giá bằng chỉ số chuyên biệt của các tổ chức World Bank, World Economic Forum, EIU, UNPAN, BSA&IDC được cải thiện trên bản đồ CNTT thế giới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, CNTT không chỉ đơn thuần là một ngành kinh tế, mà còn là một trong những động lực quan trọng của sự phát triển. Mặc dù còn nhiều hạn chế và khó khăn, nhưng cùng với một số ngành công nghệ cao khác, CNTT đang làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, góp phần giải phóng mạnh mẽ sức mạnh vật chất và trí tuệ của toàn dân tộc, từng bước phát triển và hiện đại hóa các ngành kinh tế, tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, tăng cường an ninh quốc phòng và tạo ra khả năng đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH, đưa đất nước nhanh chóng thoát khỏi tình trạng lạc hậu, kém phát triển, tăng cường quan hệ giữa Việt Nam và thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa.

1, 2, 3, 6, 7, 8, 9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, CTQG, H, 2000, tr.78-80, 286, 375, 694-695, 698, 711, 801

4. Xem: Sdd, tr.538

5. Viện Chiến lược Bưu chính - Viễn thông và Công nghệ thông tin: *Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong giáo dục*, NXB Bưu điện, H, 2004, tr.7

10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, CTQG, H, 2006, tr.87.